

Số: **42** /BC-ĐHV

Nghệ An, ngày **15** tháng 5 năm 2022

PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2022-2025
(Dùng cho đơn vị sự nghiệp cấp III báo cáo cơ quan quản lý cấp trên)

- Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

- Căn cứ Công văn số 3854/BGDĐT-TCCB ngày 07/9/2021 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc giao số lượng người làm việc và hợp đồng lao động năm 2021;

- Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

I. Phần thứ nhất: Đánh giá tình hình thực hiện phương án tự chủ của giai đoạn trước (đối với đơn vị SNCL đã được giao quyền tự chủ tài chính), trường hợp đơn vị mới thành lập thì không phải đánh giá.

1. Về nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng. Trong đó

nêu rõ nhiệm vụ chức năng; tổ chức bộ máy để thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng.

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường Đại học Vinh được xây dựng theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; điều kiện thực tế của Nhà trường nhằm thực hiện sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược và mục tiêu phát triển bền vững của Nhà trường gắn liền với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung bộ và cả nước. Mô hình tổ chức là trường đa ngành, đa lĩnh vực, xác định ngành, nhóm ngành có khả năng tiếp cận chuẩn mực tiên tiến ASEAN, Châu Á và thế giới. Mô hình quản trị Nhà trường phân theo ba cấp và giao quyền tự chủ cao cho các đơn vị thuộc và trực thuộc được thực hiện công khai, chính xác bằng phần mềm tích hợp trực tuyến.

Cơ cấu tổ chức của Trường gồm: 3 trường thuộc, 4 viện, 4 khoa, 1 Trường THPT Chuyên, 1 Trường Thực hành sư phạm; có 24 phòng ban, trung tâm, trạm và 02 văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh và Tỉnh Thanh Hóa. Bên cạnh đó, Nhà trường thành lập một số hội đồng tư vấn các hoạt động chuyên môn cho Hiệu trưởng như: Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng tuyển dụng viên chức, Hội đồng xét nâng bậc lương, Hội đồng kỷ luật viên chức, Hội đồng xét bồi thường chi phí đào tạo, Hội đồng chức danh giáo sư cấp cơ sở,...

Trường Đại học Vinh là một trong số các trường đại học ở Việt Nam đi đầu trong việc thành lập Hội đồng trường. Hiện nay, Hội đồng trường Trường Đại học Vinh có 19 thành viên với cơ cấu như sau: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng; 01 đại diện cơ quan trực tiếp quản lý Trường (Bộ Giáo dục và Đào tạo); 05 thành viên bên ngoài, không phải là giảng viên, cán bộ quản lý cơ hữu của Trường; đại diện cán bộ, giảng viên, sinh viên của một số khoa, viện, trường trực thuộc.

Các tổ chức đoàn thể của Trường (gồm Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và Hội Cựu chiến binh) đã được thành lập từ rất sớm và hoạt động hiệu quả, góp phần rất lớn trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Nhà trường.

Phát triển đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên về trình độ chuyên môn, đạo đức nhà giáo, nghiệp vụ nhà giáo luôn được ưu tiên trong mọi chính sách, quyết định của Trường. Hiện nay, Trường có đội ngũ cán bộ cơ bản đầy đủ về số lượng, đạt chuẩn về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu với 1.030 cán bộ, viên chức trong đó có 50 giáo sư, phó giáo sư; 300 tiến sĩ, 495 thạc sĩ, Trường có 381 giảng viên hạng III, 135 giảng viên hạng II, 50 giảng viên hạng I. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên là 50%. Đội ngũ cán bộ, viên chức, người lao động của Nhà trường có phẩm chất đạo đức và có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ vị trí công tác đang đảm trách.

Ngoài ra, tùy theo yêu cầu các nội dung công việc, Nhà trường còn ký hợp đồng thỉnh giảng với các nhà khoa học, giảng viên trong và ngoài nước, hợp đồng lao động khác theo đúng quy định pháp luật.

2. Về nhiệm vụ được giao, kê chi tiết các nhiệm vụ được giao; nhiệm vụ giao cho các đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ đơn vị tự thực hiện.

Tình hình thực hiện nhiệm vụ, khối lượng công việc hoàn thành, chất lượng các công việc đã hoàn thành năm 2021 (*Chi tiết từng nhiệm vụ*)

2.1. Nhiệm vụ thực hiện kinh phí cấp bù học phí sư phạm

Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng

Kinh phí được giao năm nay: 46.124.000.000 đồng

Kinh phí đã thực hiện: 46.073.157.000 đồng (*Trong đó, kinh phí cấp bù cho học phí năm 2020 là 1.779.010.000 đồng; Kinh phí cấp bù học phí cho năm 2021 là 37.047.215.000 đồng; Kinh phí cấp cho sinh hoạt phí sinh viên khóa 62 là 7.246.932.000 đồng*)

Kinh phí còn dự toán được chuyển sang năm 2022: 50.843.000 đồng

2.2. Nhiệm vụ thực hiện chế độ chính sách miễn, giảm học phí

Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng

Kinh phí được giao năm nay: 3.300.000.000 đồng

Kinh phí đã thực hiện: 3.242.286.000 đồng

Kinh phí còn dự toán đề nghị hủy dự toán: 57.714.000 đồng

2.3. Nhiệm vụ thực hiện chế độ hỗ trợ chi phí học tập

Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng

Kinh phí được giao năm nay: 2.100.000.000 đồng

Kinh phí đã thực hiện: 1.981.104.000 đồng

Kinh phí còn dự toán đề nghị hủy dự toán: 118.896.000 đồng

2.4. Nhiệm vụ thực hiện đề án đào tạo giáo viên Giáo dục quốc phòng năm 2021

Năm 2021, nhà trường thực hiện đào tạo 40 giáo viên Giáo dục quốc phòng – An ninh. Nhà trường thực hiện theo các hướng dẫn về nội dung, định mức của các văn bản: Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Công văn số 2788/BGDĐT-KHTC ngày 8/6/2015 về chế độ tiền ăn, quân trang quân phục,; Công văn số 29/BHXXH-TST ngày 16/01/2016 của Bảo hiểm xã hội, Bộ quốc phòng về hỗ trợ bảo hiểm y tế, để thực hiện chi trả cũng như trang bị đầy đủ các đồ dùng thiết yếu để đảm bảo cho việc học tập của người học theo đúng chế độ. Nhờ đó, các nội dung thực hiện nhiệm vụ được triển khai đầy đủ và kịp thời. Các khoản kinh phí được giải ngân đúng đối tượng thụ hưởng và đúng các nội dung, định mức chi theo quy định.

Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng

Kinh phí được giao năm nay: 530.000.000 đồng

Kinh phí đã thực hiện: 530.000.000 đồng

Kinh phí còn dự toán: 0 đồng

2.5. Nhiệm vụ đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân:

Thực hiện Công văn số 93/BGDĐT-KHTC của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 20/01/2021 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai nhiệm vụ đề án ngoại ngữ theo kinh phí năm 2021 và Công văn số 4987/BGDĐT-KHTC của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 29/10/2021 về việc điều chỉnh chỉ tiêu, nhiệm vụ và kinh phí năm 2021, Ban quản lý đề án Ngoại ngữ của Trường đã triển khai nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch thực hiện thông qua việc cụ thể hóa và chi tiết các nhiệm vụ. Trong năm 2021, nhà trường thực hiện các nhiệm vụ chính:

- + Bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ giáo viên tiếng Anh phổ thông.

- + Bồi dưỡng nâng cao năng lực sư phạm cho giáo viên tiếng Anh Trung học phổ thông.

- + Xây dựng hệ thống bài giảng E-learning môn Tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ.

- + Xây dựng học liệu điện tử dạy học các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh.

Trường Đại học Vinh có sự phối hợp chặt chẽ với các Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc triển khai chương trình bồi dưỡng, quản lý học viên. Thông tin về việc tham gia khóa học của học viên thường xuyên được cập nhật, trao đổi để có những nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời. Chuyên viên phụ trách tiếng Anh của các Sở giáo dục và đào tạo có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát lớp học. Nhờ sự phối hợp thường xuyên, liên tục và đồng bộ như vậy nên công tác bồi dưỡng được tiến hành về cơ bản theo đúng tiến độ và đạt yêu cầu.

Năm 2021, việc giao dự toán kinh phí sớm cũng như các văn bản hướng dẫn thực hiện được Bộ giáo dục và Đào tạo triển khai kịp thời nên thuận lợi cho nhà trường trong việc tổ chức các hoạt động sớm và đảm bảo tiến độ giải ngân.

Kinh phí năm 2020 chuyển sang:	0 đồng
Kinh phí được cấp trong năm 2021:	15.385.000.000 đồng
Kinh phí đã thực hiện năm nay:	13.921.119.000 đồng
Kinh phí còn dư và hủy dự toán:	1.463.881.000 đồng

2.6. *Nhiệm vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ:*

Căn cứ các văn bản giao nhiệm vụ đề tài khoa học công nghệ năm 2021. Áp dụng các văn bản hướng dẫn của nhà nước, theo Thông tư số 55/TTLT/BTC-BKHCN; Thông tư số 27/2015/TTLT-BTC-BKHCN và Quyết định số 5830/QĐ-BGDĐT và các văn bản khác, nhà trường thực hiện nghiêm túc, có kiểm tra và có báo cáo định kỳ, có đánh giá nghiệm thu chính xác và khách quan. Các đề tài hoàn thành đúng kế hoạch, đáp ứng đầy đủ theo thuyết minh đã được phê duyệt.

Số dư năm 2020 chuyển sang năm 2021 là 588.937.000 đồng, trong đó:	
<i>Số dư tạm ứng:</i>	575.937.000 đồng
<i>Số dư dự toán:</i>	13.000.000 đồng
Kinh phí được giao năm 2021:	5.212.500.000 đồng
Kinh phí được sử dụng trong năm:	5.225.500.000 đồng
Kinh phí đã thực hiện trong năm 2021:	5.033.485.000 đồng
Số dư cuối năm 2021, cụ thể: 584.307.000 đồng, trong đó:	
<i>Số dư dự toán chuyển sang năm sau:</i>	192.015.000 đồng
<i>Số dư tạm ứng:</i>	392.292.000 đồng

2.7. *Nhiệm vụ xuất bản phẩm đặt hàng:*

Thực hiện Công văn số 835/CXBIPH.QLXB ngày 28/7/2021 của Cục xuất bản in và phát hành về việc danh mục đề tài xuất bản phẩm đặt hàng năm 2021 và Công văn số 728/BTC-QLG ngày 20/01/2022 của Bộ trưởng bộ tài chính về việc ban hành mức giá tối đa bản thảo sách đặt hàng năm 2021, Nhà trường đã triển khai các nhiệm vụ, thực hiện đầy đủ các khâu biên tập, đọc duyệt, nghiệm thu, in ấn, và phát hành theo đúng quy định và đúng tiến độ.

Kinh phí năm 2020 chuyển sang:	0 đồng
Kinh phí được cấp năm 2021:	450.000.000 đồng
Kinh phí đã thực hiện chi:	431.109.000 đồng
Kinh phí còn dư đã đề nghị hủy dự toán:	18.891.000 đồng

2.8. *Nhiệm vụ đào tạo lưu học sinh Hiệp định:*

Thực hiện Quyết định số 191/QĐ-BGDĐT ngày 20/1/2020 và Quyết định số 4276/QĐ-BGDĐT ngày 9/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tiếp nhận Lưu học sinh Lào học tập tại Việt Nam diện Hiệp định tại Trường Đại học Vinh.

Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BTC ngày 12/3/2018 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định khác có liên quan về việc hướng dẫn nội dung và định mức chi để thực hiện chi các khoản cho lưu học sinh. Nhà trường đã thực hiện chi trả sinh hoạt phí và chi các khoản phục vụ cho lưu học sinh học tập tại trường.

Kinh phí năm 2020 chuyển sang:	0 đồng
Kinh phí được cấp năm 2021:	169.376.000 đồng
Kinh phí đã thực hiện chi:	149.000.000 đồng
Kinh phí còn dư chuyển năm sau (do cấp sau ngày 30/9):	20.376.000 đồng

2.9. Nhiệm vụ kinh phí thực hiện chương trình bồi dưỡng giáo viên các trường sư phạm (ETEP):

Trường Đại học Vinh là 01 trong 08 trường tham gia "Chương trình Phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông" (viết tắt là ETEP) sử dụng vốn vay ưu đãi của Ngân hàng Thế giới (WB) và nguồn vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam.

a) Hoạt động HCSN năm 2021:

Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt kế hoạch hoạt động (Các hoạt động thuộc lĩnh vực hành chính sự nghiệp) năm 2021 tại Quyết định số 710/QĐ-BGDĐT ngày 09/2/2021 (đợt 1) và Quyết định 2956/QĐ-BGDĐT ngày 21/9/2021 (đợt 2) với tổng nguồn vốn được duyệt: 28.596 triệu đồng, trong đó vốn vay Ngân hàng Thế giới là 25.994 triệu đồng, vốn đối ứng nhà trường là: 2.602 triệu đồng; gồm 32 hoạt động. Tất cả các hoạt động đều được triển khai thực hiện và nghiệm thu kiểm đếm với số vốn được giải ngân là: 16.439 triệu đồng, trong đó vốn vay WB là 14.467 triệu đồng, vốn tự có nhà trường 1.972 triệu đồng.

Vốn vay Ngân hàng thế giới được cấp qua dự toán ngân sách:

Kinh phí năm 2020 chuyển sang:	0 đồng
Kinh phí được cấp năm 2021:	25.994.000.000 đồng
Kinh phí đã thực hiện chi:	14.467.039.880 đồng
Kinh phí còn dư và đã đề nghị hủy dự toán:	11.526.960.120 đồng

b) Hoạt động XDCCB năm 2021:

Năm 2021, Nhà trường hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng 02 dự án đầu tư cơ sở vật chất thuộc Đề án "Nâng cấp, sửa chữa và đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị hạ tầng công nghệ thông tin" Chương trình ETEP, đạt kỹ thuật chất lượng và mục tiêu đầu tư của dự án. Nguồn kinh phí được duyệt cho đầu tư CSVC năm 2021 là 4.000 triệu đồng bằng nguồn đối ứng của trường, để thực hiện trả nợ XDCCB cho các nhà thầu.

3. Tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính của nhà nước.

- Về mức thu sự nghiệp:

+ Học phí các bậc học: thu theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 về quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 về việc quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Các khoản phí, lệ phí: không có

- Các khoản thu đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; thu các hợp đồng dịch vụ,...: Nhà trường xây dựng mức thu trên cơ sở thu bù chi và có một phần tích lũy.

- Thực hiện chính sách miễn giảm theo quy định: Thực hiện chính sách miễn giảm theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 và Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021.

- Tình hình chấp hành các chế độ tài chính; quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; quy định khác: Nhà trường căn cứ các quy định, các văn bản hướng dẫn của cơ quan cấp trên về quy trình, thủ tục, nội dung, định mức để xây dựng lên quy chế chi tiêu nội bộ và áp dụng trong toàn đơn vị.

4. Báo cáo về thực hiện các chỉ tiêu tài chính thu, chi giai đoạn tự chủ.

4.1. Kinh phí ngân sách cấp:

a) Kinh phí chi thường xuyên

- Kinh phí ngân sách giao: 83.210.840.000 đồng

- Kinh phí thực hiện: 83.210.840.000 đồng

- Số kinh phí tiết kiệm được: 0 đồng

- Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí giao: 0%

b) Kinh phí cấp không thường xuyên đã thực hiện: 69.051.612.000 đồng

4.2. Thu sự nghiệp: 439.621.038.053 đồng

4.3. Chi trong năm: 392.494.955.487 đồng

5. Phân phối chênh lệch thu chi thường xuyên: 129.712.841.859 đồng, trong đó:

- Trích lập quỹ học bổng khuyến khích học tập: 11.508.358.121 đồng

- Trích lập quỹ thực hiện các hoạt động KHCN: 18.669.260.577 đồng

- Trích lập nguồn cải cách tiền lương: 19.699.187.803 đồng

- Trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 32.428.210.465 đồng

- Trích lập quỹ phúc lợi: 25.569.453.562 đồng

- Trích lập quỹ khen thưởng: 2.841.050.396 đồng

- Trích lập quỹ bổ sung thu nhập: 18.997.320.935 đồng

6. Thu nhập tăng thêm của người lao động:

- Tổng thu nhập tăng thêm của người lao động (đã tính trong tổng chi trong năm): 46,033 triệu đồng/năm.

Trong đó:

+ Thu nhập tăng thêm BQ của người lao động: 3,836 triệu đồng/tháng;

+ Người có thu nhập tăng thêm cao nhất: 4,952 triệu đồng/tháng;

+ Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất: 1,67 triệu đồng/tháng.

7. Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị:

7.1. Khó khăn, tồn tại

Trường Đại học Vinh là đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021

của Chính phủ, tuy nhiên các văn bản hướng dẫn thực hiện còn chưa đồng bộ, còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

Việc phân cấp vẫn chưa xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các đơn vị dự toán trong cơ chế tự chủ tài chính. Để việc tự chủ đi đôi với việc tự chịu trách nhiệm, mặt khác việc tự chủ tài chính trong điều kiện quy định về mức trần học phí và chỉ tiêu đào tạo vẫn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định.

Theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, chủ yếu giao quyền tự chủ một số nhiệm vụ chi thường xuyên, nhưng chưa giao quyền tự chủ về huy động nguồn lực tài chính từ học phí do người học đóng.

Tự chủ tài chính, nhưng các chế độ như: Hội nghị, hội thảo, tiếp khách,... của các trường đại học công lập còn bị ràng buộc phải thực hiện theo quy định đối với cơ quan quản lý nhà nước, cụ thể hiện nay là Thông tư số 40/2010/TT-BTC, ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, làm cho đơn vị lúng túng trong việc giải quyết chính sách tài chính. Nhiều lần đơn vị tổ chức hội thảo, mời một số chuyên gia đầu ngành trong nước, nhà quản lý kinh tế ở các doanh nghiệp đến tham gia, nhưng rất bị động do bị khống chế định mức chi, đây là một cản trở ảnh hưởng tới sự hoạt động, phát triển của các cơ sở giáo dục đại học trong việc gắn kết giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học với sản xuất kinh doanh.

Mặt khác, về chi đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản thiết bị có giá trị lớn, quy định về mức thu (học phí, lệ phí tuyển sinh) thì vẫn phải thực hiện theo quy định chung của Nhà nước đối với các trường đại học công lập (theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP và Nghị định 81/2021/NĐ-CP). Việc chi trả thu nhập cho người lao động về cơ bản vẫn thực hiện theo hệ số thang bảng lương của ngành giáo dục do nhà nước quy định, chưa có tiêu chí cụ thể để chi trả thu nhập theo hiệu quả, mức đóng góp của từng người lao động.

Gần đây nhất Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật giáo dục đại học đã quan tâm rất nhiều đến vấn đề tự chủ của cơ sở giáo dục đại học. Quyền tự chủ đại học được coi là đã được thể hiện ở nhiều điều khoản về Hội đồng trường, Hội đồng quản trị, Hiệu trưởng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở giáo dục, tuyển sinh, chương trình giáo dục, văn bằng, học phí, lệ phí tuyển sinh,...

Nhà nước và Bộ Giáo dục và Đào tạo đã hết sức chú trọng vấn đề tự chủ và đã cố gắng tạo ra hành lang pháp lý cho quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học, nhưng các quyền tự chủ đó vẫn chưa thật sự phát huy hết tác dụng vì tính chất chưa triệt để và sự thiếu nhất quán, đồng bộ trong các chủ trương chính sách của Nhà nước. Các cơ sở giáo dục đại học dường như vẫn hết sức mong muốn được tăng thêm quyền tự chủ, đặc biệt trong các lĩnh vực quản lý tài chính, bộ máy, nhân sự, tuyển sinh, trang thiết bị, cơ sở vật chất,...

4.2. Kiến nghị

- Bộ Giáo dục và Đào tạo sớm ban hành thông tư hướng dẫn việc thực hiện Nghị định 60/2021/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập để chi tiết, phù hợp và cụ thể hóa hơn đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Tăng thêm tính tự chủ cho các đơn vị tự đảm bảo trên 70% chi thường xuyên về chỉ tiêu biên chế và hợp đồng lao động để đáp ứng điều kiện đảm bảo chất lượng mà không làm tăng quỹ lương từ nguồn ngân sách Nhà nước.

- Xây dựng và hướng dẫn các đơn vị về bộ tiêu chí để trả thu nhập cho người lao động theo hiệu quả công việc để khuyến khích được người lao động phát huy sáng tạo, năng động trong công việc; khắc phục bất cập chi trả thu nhập cơ bản đang căn cứ vào hệ số thang bảng lương của cán bộ, viên chức ngành giáo dục và đào tạo do Nhà nước ban hành.

- Tạo điều kiện, hỗ trợ cho các trường đại học trong việc liên kết đào tạo với nước ngoài, gửi cán bộ ra nước ngoài học tập nâng cao trình độ chuyên môn theo NSNN cấp, trong quan hệ hợp tác quốc tế. Tận dụng các nguồn viện trợ thông qua chương trình hợp tác song phương và đa phương với các nước và các tổ chức giáo dục quốc tế, các tổ chức phi chính phủ để tăng cường đầu tư cho giáo dục đại học. Mở rộng việc vay vốn của ngân hàng và các tổ chức quốc tế dành những khoản vay ưu đãi đầu tư cho các chương trình mục tiêu chiến lược nhằm phát triển giáo dục - đào tạo.

II. Phần thứ hai: Báo cáo phương án tự chủ năm 2022.

1. Về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng:

Số lượng cán bộ: 1.030 người, trong đó:

Công chức, viên chức theo vị trí việc làm: 1.222 người

Người lao động theo hợp đồng 68: 8 người

2. Về dự kiến nhiệm vụ được giao, kê chi tiết từng nhiệm vụ

2.1. Kinh phí ngân sách giao chi thường xuyên:

- | | |
|---|---------------------|
| - Kinh phí ngân sách giao: | 80.000.000.000 đồng |
| - Kinh phí thực hiện: | 80.000.000.000 đồng |
| - Số kinh phí tiết kiệm được: | 0 đồng |
| - Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí giao: | 0% |

3. Về dự toán thu, chi:

3.1. Dự toán thu thường xuyên: 440,11 tỷ đồng, trong đó:

- Dự toán thu từ học phí thu đào tạo chính quy (đại học, sau đại học): 101,65 tỷ đồng đồng;

- Dự toán thu từ học phí không chính quy: 89,72 tỷ đồng
- Dự toán thu từ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ: 1,09 tỷ đồng;
- Dự toán thu từ dịch vụ giáo dục đào tạo: 234,64 tỷ đồng;
- Dự toán thu khác từ trông giữ xe, tiền thu ký túc xá: 13,01 tỷ đồng;

3.2. Dự toán chi thường xuyên năm 2022: 520,09 tỷ đồng

3.3. Về biểu số liệu báo cáo: Số liệu báo cáo thu, chi thường xuyên; nhiệm vụ không thường xuyên: Các năm trước; năm đầu thời kỳ ổn định phân loại đơn vị.

(Số liệu theo biểu kèm theo).

4. Xác định mức độ tự chủ tài chính

Căn cứ vào dự toán thu, chi năm đầu thời kỳ ổn định và nội dung hướng dẫn tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, trên cơ sở quy mô đào tạo ổn định như hiện nay. Nhà trường xác định mức độ tự chủ cho năm tài chính 2022 là:

Năm	2022	2023	2024	2025
Mức độ tự đảm bảo chi thường xuyên	84,6%	87%	90,4%	93%

Trường Đại học Vinh báo cáo để Bộ Giáo dục và Đào tạo, Vụ Kế hoạch – Tài chính được biết để tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- Lưu: HCTH, KHTC.



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

BÁO CÁO SỐ LIỆU THU, CHI GIAI ĐOẠN 2017-2022
(Phụ lục đính kèm Báo cáo số 42/BC-ĐHV của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ngày 15/5/2022)

TT	Tên đơn vị	Tổng số cán bộ, nhân viên (người)				Tổng số cán bộ, nhân viên (người)				Tổng số cán bộ, nhân viên (người)				Quy mô sinh viên (người)			Quy mô sinh viên (người)			Quy mô sinh viên (người)		
		Thực hiện năm 2020				Thực hiện năm 2021				Dự kiến năm 2022				Thực hiện năm 2020 (đối chiếu QĐ, TB trúng tuyển)			Thực hiện năm 2021 (đối chiếu QĐ, TB trúng tuyển)			Dự kiến năm 2022		
		Tổng số người làm việc/biên chế hằng năm được giao	Tổng số người làm việc/biên chế có mặt (thực tế), chia ra:			Tổng số người làm việc/biên chế hằng năm được giao	Tổng số người làm việc/biên chế có mặt (thực tế), chia ra:			Tổng số người làm việc/biên chế hằng năm được giao	Tổng số người làm việc/biên chế có mặt (thực tế), chia ra:			Quy mô sinh viên, chia ra:			Quy mô sinh viên, chia ra:			Quy mô sinh viên, chia ra:		
			Tổng số người làm việc/biên chế có mặt (thực tế)	GV	Cán bộ HC		Tổng số người làm việc/biên chế có mặt (thực tế)	GV	Cán bộ HC		Tổng số người làm việc/biên chế có mặt (thực tế)	GV	Cán bộ HC	Tổng số	SV chính quy	SV không chính quy	Tổng số	SV chính quy	SV không chính quy	Tổng số	SV chính quy	SV không chính quy
	Cộng																					
III	Đơn vị SN tự đảm bảo 1 phần chi phí hoạt động thường xuyên theo Nghị định 16 (Nhóm 3)																					
19	Trường Đại học Vinh	974	1.038	855	183	904	1.030	849	181	949	1.100	900	200	19.041	14.932	8.667	16.382	15.916	8.109	16.500	16.382	7.903

BÁO CÁO SỐ LIỆU THU, CHI GIAI ĐOẠN 2017-2022
(Phụ lục đính kèm Báo cáo số 42/BC-DHV của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ngày 15/5/2022)

TT	Tên đơn vị	Tổng thu sự nghiệp, dịch vụ (tỷ đồng)										Tổng thu sự nghiệp, dịch vụ (tỷ đồng)							
		Thực hiện năm 2020 (Đơn vị tính: Tỷ đồng)						Thực hiện năm 2021 (Đơn vị tính: Tỷ đồng)				Dự kiến năm 2022 (Đơn vị tính: Tỷ đồng)							
		Tổng thu sự nghiệp thực hiện năm 2020, chia ra:						Tổng thu sự nghiệp thực hiện năm 2021, chia ra:				Tổng thu sự nghiệp dự kiến thực hiện năm 2022, chia ra:							
		Tổng cộng	Học phí chính quy (học phí đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học hệ chính quy)	Học phí không chính quy (học phí đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học hệ vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, liên thông)	Thu nghiên cứu, hợp tác, chuyển giao, phát triển Khoa học công nghệ	Thu dịch vụ giáo dục- đào tạo (đào tạo, bồi dưỡng, liên kết, dự thi, ôn thi, học lại, chuyển đổi, ...)	Thu khác (trồng xe, giữ xe, cho thuê cơ sở vật chất, ký túc xá, ...)	Tổng cộng	Học phí chính quy (học phí đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học hệ chính quy)	Học phí không chính quy (học phí đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học hệ vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, liên thông)	Thu nghiên cứu, hợp tác, chuyển giao, phát triển Khoa học công nghệ	Thu dịch vụ giáo dục- đào tạo (đào tạo, bồi dưỡng, liên kết, dự thi, ôn thi, học lại, chuyển đổi, ...)	Thu khác (trồng xe, giữ xe, cho thuê cơ sở vật chất, ký túc xá, ...)	Tổng cộng	Học phí chính quy (học phí đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học hệ chính quy)	Học phí không chính quy (học phí đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học hệ vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, liên thông)	Thu nghiên cứu, hợp tác, chuyển giao, phát triển Khoa học công nghệ	Thu dịch vụ giáo dục- đào tạo (đào tạo, bồi dưỡng, liên kết, dự thi, ôn thi, học lại, chuyển đổi, ...)	Thu khác (trồng xe, giữ xe, cho thuê cơ sở vật chất, ký túc xá, ...)
	Cộng																		
III	Đơn vị SN tự đảm bảo 1 phần chi phí hoạt động thường xuyên theo Nghị định 16 (Nhóm 3)																		
19	Trường Đại học Vinh	484,35	97,98	125,47	0,83	249,45	10,62	439,62	101,65	129,26	0,79	198,51	9,41	440,11	101,65	89,72	1,09	234,64	13,01

BÁO CÁO SỐ LIỆU THU, CHI GIAI ĐOẠN 2017-2022
(Phụ lục đính kèm Báo cáo số 42/BC-DHV của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ngày 15/5/2022)

TT	Tên đơn vị	Tổng chi thường xuyên sự nghiệp, dịch vụ														
		Thực hiện năm 2020 (Đơn vị tính: Tỷ đồng)					Thực hiện năm 2021 (Đơn vị tính: Tỷ đồng)					Dự kiến năm 2022 (Đơn vị tính: Tỷ đồng)				
		Tổng chi thường xuyên sự nghiệp năm 2021 (đối chiếu số chi đến hết thời điểm báo cáo tại đơn vị, các khoản mua sắm, sửa chữa lớn không tính vào chi TX, bóc ra khỏi chi TX và tính vào quỹ phát triển), chia ra:					Tổng chi thường xuyên sự nghiệp năm 2021 (đối chiếu số chi đến hết thời điểm báo cáo tại đơn vị, các khoản mua sắm, sửa chữa lớn không tính vào chi TX, bóc ra khỏi chi TX và tính vào quỹ phát triển), chia ra:					Tổng chi thường xuyên sự nghiệp năm 2022 dự kiến, chia ra:				
		Tổng cộng	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương đối với số biên chế có mặt (đối chiếu Bảng lương tháng đi QT)	Chi thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ (không bao gồm tiền lương)	Chi thường xuyên hoạt động dịch vụ giáo dục-đào tạo (không bao gồm tiền lương)	Chi khác	Tổng cộng	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương đối với số biên chế có mặt (đối chiếu Bảng lương tháng đi QT)	Chi thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ (không bao gồm tiền lương)	Chi thường xuyên hoạt động dịch vụ giáo dục-đào tạo (không bao gồm tiền lương)	Chi khác	Tổng cộng	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương đối với số biên chế có mặt	Chi thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ (không bao gồm tiền lương)	Chi thường xuyên hoạt động dịch vụ giáo dục-đào tạo (không bao gồm tiền lương)	Chi khác
	Cộng															
III	Đơn vị SN tự đảm bảo 1 phần chi phí hoạt động thường xuyên theo Nghị định 16 (Nhóm 3)															
19	Trường Đại học Vinh	569,7	116,7	197,2	246,4	9,3	515,2	115,9	197,8	193,2	8,3	520,09	118,25	196,73	193,40	11,7

BÁO CÁO SỐ LIỆU THU, CHI GIAI ĐOẠN 2017-2022

(Phụ lục đính kèm Báo cáo số 42/BC-DHV của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ngày 15/5/2022)

TT	Tên đơn vị	Số trích lập Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp trong năm (Đơn vị tính: tỷ đồng)						Mức trích khấu hao và hao mòn tài sản cố định trong năm (Đơn vị tính: tỷ đồng)					
		Số trích lập Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp năm 2017	Số trích lập Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp năm 2018	Số trích lập Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp năm 2019	Số trích lập Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp năm 2020	Số trích lập Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp năm 2021	Số dự kiến trích lập Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp năm 2022	Mức trích khấu hao và hao mòn tài sản cố định trong năm 2017	Mức trích khấu hao và hao mòn tài sản cố định trong năm 2018	Mức trích khấu hao và hao mòn tài sản cố định trong năm 2019	Mức trích khấu hao và hao mòn tài sản cố định trong năm 2020	Mức trích khấu hao và hao mòn tài sản cố định trong năm 2021	Mức dự kiến trích khấu hao và hao mòn tài sản cố định trong năm 2022
	Cộng												
III	Đơn vị SN tự đảm bảo 1 phần chi phí hoạt động thường xuyên theo Nghị định 16 (Nhóm 3)												
19	Trường Đại học Vinh	102,6	155,5	103,9	20,3	48,6	15,0	77,3	77,8	94,3	97,4	104,2	110,2

BÁO CÁO SỐ LIỆU THU, CHI GIAI ĐOẠN 2017-2022
(Phụ lục đính kèm Báo cáo số 42/BC-DHV của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ngày 15/5/2022)

TT	Tên đơn vị	NSNN được giao (Đơn vị tính: Tỷ đồng)											
		Năm 2020 (bao gồm cả số điều chỉnh, bổ sung)				Năm 2021 (bao gồm cả số điều chỉnh, bổ sung)				Dự toán năm 2022			
		Tổng cộng	NSNN cấp chi thường xuyên (không bao gồm chế độ, chính sách cho người học giao vào chi thường xuyên)	NSNN cấp chi đảm bảo chế độ chính sách cho người học (kể cả cấp chi thường xuyên và không thường xuyên)	NSNN cấp chi không thường xuyên các Đề án, nhiệm vụ như: cải tạo cơ sở vật chất, KHCN, Đề án NN, ...	Tổng cộng	NSNN cấp chi thường xuyên (không bao gồm chế độ, chính sách cho người học giao vào chi thường xuyên)	NSNN cấp chi đảm bảo chế độ chính sách cho người học (kể cả cấp chi thường xuyên và không thường xuyên)	NSNN cấp chi không thường xuyên các Đề án, nhiệm vụ như: cải tạo cơ sở vật chất, KHCN, Đề án NN, ...	Tổng cộng	NSNN cấp chi thường xuyên (không bao gồm chế độ, chính sách cho người học giao vào chi thường xuyên)	NSNN cấp chi đảm bảo chế độ chính sách cho người học (kể cả cấp chi thường xuyên và không thường xuyên)	NSNN cấp chi không thường xuyên các Đề án, nhiệm vụ như: cải tạo cơ sở vật chất, KHCN, Đề án NN, ...
	Cộng												
III	Đơn vị SN tự đảm bảo 1 phần chi phí hoạt động thường xuyên theo Nghị định 16 (Nhóm 3)												
19	Trường Đại học Vinh	192,14	102,52	47,17	42,45	182,8	83,5	51,5	47,7	227,9	80,0	132,9	15,0